

**KẾ HOẠCH**  
**Tổ chức thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày**  
**Năm học 2022 - 2023**

Căn cứ Công văn 2848/GDDT-TrH ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày tại các trường THCS, THPT trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh từ năm học 2019-2020;

Căn cứ Quyết định 2708/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 về ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2022-2023 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn số 2987/GDDT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Công văn 3065/SGDDT-VP ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về triển khai một số hoạt động đầu năm học 2022-2023;

Căn cứ Công văn 3157/SGDDT-GDTrH ngày 06 tháng 9 năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn nhiệm vụ Giáo dục trung học năm học 2022-2023;

Căn cứ Kế hoạch số 09-2022/KH-TT ngày 09 tháng 9 năm 2022 của Trường THPT Tân Túc về giáo dục năm học 2022-2023.

Trường THPT Tân Túc xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình dạy 2 buổi/ngày với những nội dung cụ thể như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH**

**1. Thuận lợi và khó khăn**

**1.1. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh, đặc biệt là Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh. Ban đại diện Cha mẹ học sinh luôn quan tâm đến hoạt động nhà trường, có những đóng góp tích cực và giới thiệu người cùng tham gia đóng góp cho các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những điều kiện, hoàn cảnh phù hợp giúp giáo dục học sinh hiệu quả.

- Đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường đa số có tuổi trẻ, nhiệt tình, trách nhiệm, yêu nghề, gắn bó với nhà trường và mong muốn nhà trường phát triển.

- Trình độ chuyên môn: 100% đạt chuẩn, trong đó có 27/83 (32,53 %) giáo viên có trình độ trên chuẩn và nhiều giáo viên đang học nâng chuẩn.

- Cơ sở vật chất: đáp ứng được yêu cầu dạy và học trong giai đoạn hiện tại, đặc biệt là có điều kiện cho học sinh rèn luyện về thể chất, phát triển toàn diện.

- Tám năm liền trường THPT Tân Túc đạt danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, chất lượng giáo dục toàn diện và giáo dục mũi nhọn của trường đã có sự chuyển biến ngày càng tích cực.

### 1.2. Khó khăn

- Còn một số giáo viên trẻ chưa có nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, nơi ở xa trường (trên 10km).

- Điểm thi tuyển vào lớp 10 đã có tăng so với các năm học trước nhưng vẫn còn thấp so với mặt bằng chung của Thành phố, có 28 học sinh không nhập học lớp 10 so với danh sách trúng tuyển Sở Giáo dục và Đào tạo công bố; một số học sinh chưa tự giác trong việc học tập và rèn luyện dẫn đến học yếu kém, nghỉ học ảnh hưởng đến việc duy trì sĩ số và hiệu suất đào tạo.

- Điều kiện học tập của học sinh trong khu vực còn nhiều khó khăn. Phụ huynh học sinh chủ yếu là lao động phổ thông, phải lo mưu sinh vì vậy ít có điều kiện quan tâm đến việc học tập của các em.

## 2. Tình hình đội ngũ giáo viên và học sinh

### 2.1. Đội ngũ giáo viên

- Tổng số cán bộ giáo viên, nhân viên: 106 người, trong đó:

+ Cán bộ quản lý: 04 (Đại học: 03 (2 đang học sau Đại học), Thạc sĩ: 01).

+ Nhân viên hành chính: 08 (đại học: 04, cao đẳng: 02, trung cấp: 02).

+ Trợ lý thanh niên: 01.

+ Phụ trách Trung tâm học tập cộng đồng: 01

+ Giáo viên trực tiếp đứng lớp: 85.

+ Trình độ giáo viên: 100% đạt chuẩn, trên chuẩn: 27.

- Tỷ lệ giáo viên/lớp: 1,8.

| Tổng số | Số giáo viên theo môn |    |     |      |     |    |    |      |     |    |     |    |       |
|---------|-----------------------|----|-----|------|-----|----|----|------|-----|----|-----|----|-------|
|         | Toán                  | Lý | Hóa | Sinh | Tin | CN | TD | QPAN | Văn | Sử | Địa | NN | GD&CD |
| 81      | 12                    | 8  | 7   | 6    | 5   | 1  | 5  | 3    | 11  | 5  | 6   | 11 | 4     |

### 2.2. Học sinh

| Khối | Số học sinh | Số lớp | Số học sinh/lớp |
|------|-------------|--------|-----------------|
| 10   | 738         | 17     | 37-45 HS/lớp    |
| 11   | 659         | 15     | 41-45 HS/lớp    |
| 12   | 610         | 15     | 38-45 HS/lớp    |

### 2.3. Chất lượng dạy học - giáo dục

- Chất lượng dạy học, giáo dục năm học 2021-2022:

+ Học lực: giỏi 729 học sinh đạt tỉ lệ 38,13%, khá 846 học sinh đạt tỉ lệ 44,25%, trung bình 322 học sinh đạt tỉ lệ 16,84%, yếu 20 học sinh với tỉ lệ 1,04% và 5 học sinh kém chiếm tỉ lệ 0,26%.

+ Hạnh kiểm: tốt 1786 học sinh đạt tỉ lệ 93,41%, khá 116 học sinh đạt tỉ lệ 6,07%, trung bình 10 học sinh với tỉ lệ 0,52%. Không có học sinh hạnh kiểm yếu.

+ 635/639 học sinh đậu tốt nghiệp THPT đạt tỷ lệ 99,37%.

- Tình hình học sinh học yếu, lưu ban và bỏ học có giảm đáng kể, song vẫn còn phải quan tâm trong thời gian tới.

- Phong trào xây dựng “*Trường học thân thiện, học sinh tích cực*” được triển khai phù hợp với điều kiện nhà trường.

- Chủ đề năm học “Đoàn kết, sáng tạo, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ và mục tiêu đổi mới, củng cố và nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo”.

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, tiết học ngoài không gian lớp học, tiết học ngoài nhà trường, giáo dục STEM.

#### **2.4. Tình hình cơ sở vật chất**

- Diện tích khuôn viên trường: 22.582 m<sup>2</sup>. Diện tích bình quân: 11,69m<sup>2</sup>/HS.

- Tổng số phòng học: 47, trong đó phòng học kiên cố: 47

| Diện tích trường     | Số lớp học | Số phòng thí nghiệm | Số phòng nghe nhìn | Số phòng vi tính | Số phòng khác | Diện tích nhà ăn  | Diện tích khu bán trú |
|----------------------|------------|---------------------|--------------------|------------------|---------------|-------------------|-----------------------|
| 22.582m <sup>2</sup> | 47         | 3                   | 1                  | 2                | 4             | 280m <sup>2</sup> | 280m <sup>2</sup>     |

- Phòng học và các thiết bị được bố trí phù hợp đảm bảo đủ ánh sáng và thoáng mát cho học sinh học tập.

- Nhà trường có đủ các điều kiện về cơ sở vật chất đảm bảo cho việc thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày.

## **II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DẠY 2 BUỔI/NGÀY.**

### **1. Mục đích của việc thực hiện chương trình dạy 2 buổi/ngày**

- Nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng nhu cầu của gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh;

- Tăng cường giáo dục giá trị sống, kỹ năng sống cho học sinh; thực hiện đổi mới phương pháp dạy học,...(dạy học theo chủ đề tích hợp, dạy học theo định hướng phát triển phẩm chất năng lực học sinh, dạy học ứng dụng STEM, dạy học theo dự án, học sinh nghiên cứu khoa học, hoạt động câu lạc bộ).

- Chương trình dạy học 2 buổi/ngày đặc biệt quan điểm phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh.

### **2. Nguyên tắc và yêu cầu đối với việc tổ chức thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày**

- Việc tổ chức thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày đáp ứng cho đối tượng học sinh có nhu cầu, cha mẹ học sinh tự nguyện cho con em tham gia học tập; được sự đồng ý của cấp trên có thẩm quyền.

- Tổ chức thực hiện chương trình theo Quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05 tháng 5 năm 2006 cùng các nội dung dạy học, giáo dục thuộc kế hoạch 2 buổi/ngày trong thời lượng không quá 8 tiết/ngày và không quá 6 ngày/tuần.

- Tổng số tiết dạy học trong tuần từ 35 đến 41 tiết, bao gồm chương trình dạy học, hoạt động giáo dục theo quyết định 16/2006/QĐ-BGDĐT và nội dung dạy học, hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày.

- Nhà trường tổ chức thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo hoàn thành kế hoạch giáo dục được giao, đảm bảo chất lượng và hiệu quả.

- Có số lượng giáo viên theo quy định tại Thông tư 35/2006/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 23 tháng 8 năm 2006.

- Nhà trường phân công giáo viên thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày, đảm bảo giáo viên thực hiện đầy đủ số tiết nghĩa vụ theo Thông tư 28/2009/TT-BGDĐT ngày 21 tháng 10 năm 2009 và Thông tư 15/2017/TT-BGDĐT ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Về cơ sở vật chất: Trường có đủ phòng học bộ môn, thư viện, sân chơi, bãi tập đáp ứng cho các hoạt động dạy và học, hoạt động giáo dục khác theo định hướng trường đạt chuẩn quốc gia, đảm bảo phục vụ tốt cho việc tổ chức học tập 2 buổi/ngày (như quạt, điện, nước uống, phương tiện dạy học, điều kiện tổ chức câu lạc bộ học thuật, câu lạc bộ kỹ năng, câu lạc bộ năng khiếu, thể dục thể thao ...)

- Về thu chi tài chính: đảm bảo các nguyên tắc lấy thu bù chi và các qui định về quản lý tài chính hiện hành. Nhà trường chỉ sử dụng nguồn kinh phí trong chương trình dạy học 2 buổi/ngày để chi cho các hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục trong kế hoạch 2 buổi/ngày của nhà trường.

Đối chiếu đặc điểm tình hình nhà trường so với các yêu cầu dạy học 2 buổi/ngày, Trường THPT Tân Túc đáp ứng đủ các yêu cầu trên, đảm bảo cho việc thực hiện chương trình dạy 2 buổi/ngày.

### **3. Đối tượng học, thời gian, số lớp**

- Đối tượng: học sinh khối 10,11,12 trong toàn trường.

- Thời gian mở lớp:

+ Học kỳ I: Bắt đầu từ 05 tháng 9 năm 2022 đến 08 tháng 01 năm 2023.

+ Học kỳ II: Bắt đầu từ 09 tháng 01 năm 2023 đến hết năm học.

- Số lớp dạy 2 buổi/ngày: 47 lớp với tổng số 2007 học sinh, cụ thể:

+ Khối 10 có 17 lớp với tổng số 738 học sinh;

+ Khối 11 có 15 lớp với tổng số 659 học sinh;

+ Khối 12 có 15 lớp với tổng số 610 học sinh.

### **3. Nội dung thực hiện chương trình dạy 2 buổi/ngày**

#### **3.1. Hoạt động dạy học**

##### **a) Qui định chung**

- Dạy học phải bám sát, nâng cao chương trình chính khóa, tổ chức các môn theo năng lực và năng khiếu của từng nhóm đối tượng nhằm phát huy khả năng của học sinh, đảm bảo phát triển năng lực của học sinh; tăng cường các nội dung phát triển các kỹ năng ngoại ngữ, tin học cho học sinh.

- Thời lượng của hoạt động dạy học không quá một nửa tổng thời lượng buổi 2 theo kế hoạch 2 buổi/ngày để nhà trường có thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh.

- Ngoài những tiết trong kế hoạch dạy học chính khóa theo qui định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo, ở buổi 2 học sinh các khối lớp sẽ được ôn luyện và nâng cao nhằm tăng cường kiến thức kỹ năng ở các môn Toán học, Ngữ văn, Tiếng Anh, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lí, Giáo dục công dân thực hiện theo nhóm lớp theo nhóm môn lựa chọn. *(Đính kèm phụ lục 1)*

##### **b) Định hướng nội dung giảng dạy**

- Giáo viên giảng dạy xây dựng nội dung luyện tập đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Giúp đỡ học sinh yếu kém và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu ở các môn học đặc biệt là các môn: Ngữ văn, Tiếng Anh, Toán học. Nội dung ôn luyện cụ thể ở từng lớp phải được trao đổi trong tổ bộ môn, nhóm chuyên môn tập trung vào những kiến thức, kỹ năng đã học theo chương trình của từng tuần học theo kế hoạch dạy học do tổ chuyên môn xây dựng trên cơ sở đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng và thời lượng dạy học.

+ Các tổ chuyên môn phân công giáo viên tham khảo tài liệu, chọn lọc nội dung dạy học cụ thể, phù hợp với điều kiện dạy học, không vượt quá yêu cầu cơ bản về kiến thức, kỹ năng.

+ Các nhóm chuyên môn thống nhất nội dung dạy học, phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn nhà trường phê duyệt nội dung dạy đối với các tổ, khối và thực hiện thống nhất trong năm học.

+ Ôn tập, hệ thống kiến thức cơ bản, bồi dưỡng, mở rộng, nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng, khắc sâu thêm kiến thức trong chương trình học, hướng dẫn học sinh phương pháp tự học...

**c) Tổ chức lớp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu** *(Đính kèm Kế hoạch)*.

**d) Kế hoạch bài dạy:** Giáo viên xây dựng kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn phù hợp đặc điểm của môn học, soạn đủ số tiết dạy theo quy định dạy học 2 buổi/ngày; đảm

bảo đúng nội dung theo chương trình do tổ chuyên môn xây dựng và đã được lãnh đạo nhà trường phê duyệt theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo.

**e) Thời gian biểu - Danh sách tham gia dạy học 2 buổi/ngày**

- Số tiết dạy: Buổi sáng 5 tiết; Buổi chiều 3 tiết;
- Các tiết buổi 2 tập trung ở các buổi chiều thứ 2, 3, 5, 6 tùy theo thời khóa biểu từng lớp, riêng chiều Thứ 4 và sáng Thứ 7 tập trung cho bồi dưỡng nâng cao chất lượng học sinh theo chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi, các môn năng khiếu về văn nghệ, thể dục thể thao, câu lạc bộ ...

- Danh sách tham gia dạy học 2 buổi/ngày (đính kèm phục lục 2)

**3.2. Hoạt động giáo dục**

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục như hoạt động trải nghiệm, hoạt động nghiên cứu khoa học, hoạt động theo định hướng giáo dục STEM, hoạt động giáo dục hướng nghiệp; giáo dục giá trị sống, kỹ năng thực hành xã hội,...; tăng cường hoạt động câu lạc bộ, các hoạt động phát triển năng khiếu cá nhân, các hoạt động xã hội tại địa phương.

- Đính kèm các kế hoạch giáo dục.

**4. Hồ sơ theo dõi thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày**

- Mỗi lớp có sổ ghi đầu bài để theo dõi nền nếp dạy và học tại lớp và sổ theo dõi giáo dục buổi 2, hiệu trưởng nhà trường thường xuyên tổ chức kiểm tra, theo dõi hoạt động dạy học của giáo viên và học sinh. Các tổ chuyên môn, các bộ phận có trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện hoạt động dạy học 2 buổi/ngày đảm bảo đúng kế hoạch.

- Giáo viên, cán bộ phụ trách các hoạt động giáo dục, định hướng giáo dục STEM, năng khiếu, giáo dục kỹ năng sống, câu lạc bộ,... thường xuyên theo dõi, ghi nhận kết quả học tập, rèn luyện của HS để đánh giá và thông báo tới cha mẹ HS trong các kỳ họp.

**5. Mức thu**

- Thực hiện theo Công văn số 2987/GDDT-KHTC ngày 23 tháng 8 năm 2022 về hướng dẫn thu, sử dụng học phí và các khoản thu khác; thực hiện chế độ miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm học 2022-2023 của các cơ sở giáo dục trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

- Thực hiện việc miễn, giảm cho con em gia đình thuộc đối tượng chính sách, mồ côi cha, mẹ, gia đình có hoàn cảnh khó khăn,... theo qui định. Chăm lo hỗ trợ cho học sinh có cha, mẹ mất do dịch Covid-19.

**III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**1. Thành lập Ban quản lý thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày**

- Ông Nguyễn Thanh Tòng, Hiệu trưởng - Trưởng ban, phụ trách chung;
- Ông Nguyễn Văn Dũng, Phó HT - Phó Trưởng ban phụ trách hoạt động dạy học;
- Ông Nguyễn Phi Hùng, Phó HT - Phó trưởng ban phụ trách cơ sở vật chất;

- Ông Nguyễn Trang Hoàng, Phó HT - Thành viên, phụ trách quản lí HS;
- Ông Nguyễn Duy Cảnh, TLTN - Thành viên, phụ trách hoạt động giáo dục;
- Bà Trần Thị Hương, TKHD - Thành viên, hỗ trợ các hoạt động dạy học;
- Ông Tạ Lê Duy, BTCĐGV - Thành viên; hỗ trợ các hoạt động giáo dục;
- Bà Trần Thị Oanh, TTVP - Thành viên, tham mưu công tác tài chính.

## **2. Đối với Hiệu trưởng - Trưởng ban**

- Xây dựng kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày, quản lý nội dung, chất lượng dạy học, các hoạt động giáo dục, đảm bảo không vi phạm các quy định về dạy thêm, học thêm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Phân công nhiệm vụ và theo dõi đánh giá việc tổ chức chương trình dạy học 2 buổi/ngày; huy động nguồn đóng góp từ các mạnh thường quân (theo Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo) để hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động dạy học, giáo dục của nhà trường.

- Tổ chức kiểm tra thường xuyên hàng tuần, hàng tháng về tổ chức chương trình dạy học 2 buổi/ngày.

## **2. Đối với các Phó Hiệu trưởng – Phó Trưởng ban**

- Tổ chức, chỉ đạo các tổ chuyên môn phân công giáo viên và nhân viên hợp lý để thực hiện kế hoạch dạy học 2 buổi/ngày; đảm bảo các hoạt động của nhà trường đúng với mục tiêu giáo dục của cấp học; huy động các tổ chức đoàn thể trong nhà trường và ngoài xã hội cùng tham gia hỗ trợ thực hiện kế hoạch.

- Đưa nội dung dạy học và hoạt động giáo dục buổi 2 vào chương trình kế hoạch dạy học trực tuyến. Định kỳ báo cáo với Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện kế hoạch giáo dục và kế hoạch giảng dạy của nhà trường.

- Kiểm tra việc tổ chức các tiết học ở buổi 2 nhằm đảm bảo giờ học được chuẩn bị chu đáo, được cung cấp đầy đủ các điều kiện dạy học như dạy học chính khoá; có sổ theo dõi nền nếp học tập, giáo dục buổi 2 đầy đủ, đúng qui định.

## **3. Đối với tổ trưởng chuyên môn thực hiện hoạt động dạy và hoạt động giáo dục chương trình 2 buổi/ngày**

- Chịu trách nhiệm trước lãnh đạo nhà trường trong việc đề cử giáo viên, cán bộ, nhân viên thực hiện công tác giảng dạy và hoạt động giáo dục đảm bảo chất lượng.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động dạy, giáo dục thuộc kế hoạch 2 buổi/ngày hợp lý. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, học sinh nghiên cứu khoa học và đặc biệt là các hoạt động của các câu lạc bộ học thuật.

- Khảo sát, đánh giá trình độ người học để có phương án tổ chức lớp, nhóm học tập, từ đó áp dụng biện pháp tổ chức dạy học phù hợp trình độ tiếp thu của học sinh trong dạy học 2 buổi/ngày.

- Báo cáo với Trường ban về tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch, kịp thời phản ánh những khó khăn vướng mắc để cùng bàn bạc giải quyết.

#### **4. Đối với giáo viên, nhân viên**

- Chấp hành sự phân công của Hiệu trưởng trong thực hiện nhiệm vụ, đồng thời thực hiện đúng và đầy đủ kế hoạch dạy học, giáo dục của nhà trường.

- Giáo viên xây dựng kế hoạch bám sát với đối tượng học sinh của khối lớp mình phụ trách, nội dung kiến thức của từng môn học đảm bảo vừa sức với học sinh.

- Giáo viên phải tôn trọng các nội dung dạy học đã được thống nhất trong tổ chuyên môn; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện đúng theo sự thống nhất.

- Đảm bảo giờ giấc dạy học, giáo dục (dạy đủ thời lượng trên lớp theo đúng quy định, tổ chức các hoạt động theo đúng kế hoạch).

Trên đây là kế hoạch tổ chức thực hiện chương trình dạy học 2 buổi/ngày của trường THPT Tân Túc, đề nghị toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường chấp hành đúng các quy định trong quá trình tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục 2 buổi/ngày nhằm nâng cao chất lượng dạy học, giáo dục đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu học tập của học sinh và nguyện vọng của cha mẹ học sinh./.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GDTrH (để báo cáo);
- Phó hiệu trưởng;
- TTCM;
- Tổ Văn phòng;
- Lưu VT.


  
**HIỆU TRƯỞNG**  
 TRƯỜNG  
 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG  
**TÂN TÚC**  
 NGUYỄN THANH TÙNG

**PHỤ LỤC 1**  
**SỐ TIẾT DẠY BUỔI 2 CÁC KHỐI LỚP**

**Học kỳ I: Từ 05/9/2022 đến 08/01/2023**

| STT                        | Môn học     | Khối 10 |       | Khối 11 | Khối 12 |       |
|----------------------------|-------------|---------|-------|---------|---------|-------|
|                            |             | KHTN    | KHXXH |         | KHTN    | KHXXH |
| 1                          | Toán học    | 2       | 2     | 2       | 2       | 2     |
| 2                          | Ngữ văn     | 2       | 2     | 2       | 2       | 2     |
| 3                          | Tiếng Anh   | 2       | 2     | 2       | 2       | 2     |
| 4                          | Vật lý      | 1       | 0     | 1       | 1       | 1     |
| 5                          | Hoá học     | 1       | 0     | 1       | 1       | 1     |
| 6                          | Sinh học    | 0       | 0     | 0       | 1       | 1     |
| 7                          | Lịch sử     | 0       | 1     | 0       | 1       | 1     |
| 8                          | Địa lí      | 0       | 1     | 0       | 1       | 1     |
| 9                          | GDCD/GDKTPL | 0       | 0     | 0       | 0       | 0     |
| <b>Tổng số tiết buổi 2</b> |             | 8       |       | 8       | 11      | 11    |

Môn Sinh học lớp 10 có 1 lớp tăng 1 tiết (10C11)

**Học kỳ II: Từ 09/01/2023 đến 21/5/2023**

| STT                        | Môn học     | Khối 10 |       | Khối 11 | Khối 12 |       |
|----------------------------|-------------|---------|-------|---------|---------|-------|
|                            |             | KHTN    | KHXXH |         | KHTN    | KHXXH |
| 1                          | Toán học    | 2       | 2     | 2       | 2       | 2     |
| 2                          | Ngữ văn     | 2       | 2     | 2       | 2       | 2     |
| 3                          | Tiếng Anh   | 2       | 2     | 2       | 2       | 2     |
| 4                          | Vật lý      | 1       | 0     | 1       | 2       | 0     |
| 5                          | Hoá học     | 1       | 0     | 1       | 2       | 0     |
| 6                          | Sinh học    | 0       | 0     | 0       | 2       | 0     |
| 7                          | Lịch sử     | 0       | 1     | 0       | 0       | 2     |
| 8                          | Địa lí      | 0       | 1     | 0       | 0       | 2     |
| 9                          | GDCD/GDKTPL | 0       | 0     | 0       | 0       | 2     |
| <b>Tổng số tiết buổi 2</b> |             | 8       |       | 8       | 12      | 12    |

Môn Sinh học lớp 10 có 2 lớp tăng 1 tiết (10C1 và 10C11)

**PHỤ LỤC 2****Danh sách giáo viên tham gia dạy học 2 buổi/ngày**

| STT | Họ và tên               | Trình độ | Môn dạy  | Thời gian dạy               |
|-----|-------------------------|----------|----------|-----------------------------|
| 1   | Võ Minh Châu            | Đại học  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 2   | Nguyễn Thị Kim Thoa     | Thạc sĩ  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 3   | Nguyễn Văn Dũng         | Thạc sĩ  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 4   | Nguyễn Phi Hùng         | Đại học* | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 5   | Trịnh Văn Điệp          | Đại học* | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 6   | Lê Văn Tình             | Đại học* | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 7   | Võ Hoàng Minh Thư       | Thạc sĩ  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 8   | Đoàn Ngọc Ánh           | Đại học* | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 9   | Cao Minh Khương         | Đại học  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 10  | Hồng Thị Mỹ Kiều        | Thạc sĩ  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 11  | Lê Thị Hiền             | Thạc sĩ  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 12  | Trần Thị Mộng Tuyền     | Thạc sĩ  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 13  | Huỳnh Bá Phước          | Thạc sĩ  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 14  | Đoàn Thị Ri A           | Thạc sĩ  | Toán học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 15  | Lê Quý Giang            | Thạc sĩ  | Vật lí   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 16  | Phan Thị Mộng Linh      | Đại học  | Vật lí   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 17  | Nguyễn Thị Minh Quỳnh   | Đại học  | Vật lí   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 18  | Huỳnh Thị Phương Lan    | Đại học  | Vật lí   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 19  | Tạ Lê Duy               | Đại học  | Vật lí   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 20  | Võ Thị Ngọc Lý          | Thạc sĩ  | Vật lí   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 21  | Nguyễn Thị Thùy Quyên   | Thạc sĩ  | Vật lí   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 22  | Trần Văn Thái           | Thạc sĩ  | Vật lí   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 23  | Nguyễn Thị Mỹ Anh       | Thạc sĩ  | Hoá học  | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 24  | Vương Quốc Việt         | Thạc sĩ  | Hoá học  | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 25  | Phạm Khánh Vinh         | Đại học  | Hoá học  | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 26  | Vũ Thị Thu Hồng         | Đại học  | Hoá học  | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 27  | Nguyễn Thị Kim Tuyền    | Đại học  | Hoá học  | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 28  | Phạm Vũ Ngọc Duy        | Đại học  | Hoá học  | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 29  | Nguyễn Tuyết Minh       | Đại học* | Hoá học  | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 30  | Phạm Thị Thu Thủy       | Đại học  | Sinh học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 31  | Thị Cẩm                 | Đại học  | Sinh học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 32  | Trịnh Giang Thùy Khương | Đại học  | Sinh học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 33  | Hồng Thị Mỹ Dung        | Đại học  | Sinh học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 34  | Trương Thị Thanh Hương  | Đại học  | Sinh học | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 35  | Phan Thị Hoàng Diễm     | Đại học  | Ngữ văn  | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |

|    |                        |          |           |                             |
|----|------------------------|----------|-----------|-----------------------------|
| 36 | Lê Thị Hằng            | Thạc sĩ  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 37 | Nguyễn Phương Hồng Đức | Đại học  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 38 | Cao Thị Lan            | Thạc sĩ  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 39 | Nguyễn Thị Thuỳ Linh   | Thạc sĩ  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 40 | Phạm Thị Luyến         | Thạc sĩ  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 41 | Bùi Ngọc Đức           | Đại học  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 42 | Đồng Vũ Việt Nhi       | Đại học  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 43 | Đỗ Thị Thanh Nhân      | Thạc sĩ  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 44 | Huỳnh Tấn Thành        | Đại học* | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 45 | Nguyễn Thị Hồng Trinh  | Đại học  | Ngữ văn   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 46 | Huỳnh Thị Diên         | Thạc sĩ  | Lịch sử   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 47 | Nguyễn Duy Cảnh        | Đại học  | Lịch sử   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 48 | Đoàn Thị Dung          | Thạc sĩ  | Lịch sử   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 49 | Nguyễn Thị Bích Ngọc   | Đại học  | Lịch sử   | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 50 | Trần Thị Hương         | Đại học  | GDCD      | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 51 | Lê Thị Phương Thảo     | Đại học  | GDCD      | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 52 | Nguyễn Thị Lan Hương   | Đại học  | Địa lí    | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 53 | Nguyễn Thị Quỳnh       | Đại học  | Địa lí    | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 54 | Nguyễn Trung Kiên      | Đại học  | Địa lí    | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 55 | Đậu Thị Hoa            | Đại học  | Địa lí    | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 56 | Liêu Như Yến           | Đại học  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 57 | Trần Thy Bảo Ngọc      | Thạc sĩ  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 58 | Võ Thị Phương Ánh      | Đại học* | Tiếng Anh | Từ 26/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 59 | Phạm Thị Hồng Ngọc     | Đại học  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 60 | Lê Thị Thương Tín      | Đại học  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 61 | Nguyễn Tuyết Vi        | Thạc sĩ  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 62 | Vũ Văn Luân            | Đại học  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 63 | Bùi Thị Thanh Tuyền    | Thạc sĩ  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 64 | Đoàn Thu Minh Khoa     | Đại học  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 65 | Mai Thị Kim Duyên      | Đại học  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |
| 66 | Nguyễn Thành Phát      | Đại học  | Tiếng Anh | Từ 05/09/2022 đến 21/5/2023 |

Đại học\*: Đang học Sau Đại học